TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 15/9/2023.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh On

2. Bà Lê Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 177/2023/TLST–HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh B, (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh B, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị Bích D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích D và anh Trần Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị D nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh H nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn H. Về quan hệ con chung: Anh H và Chị D có 02 người con chung tên Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 01/12/2005 và Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 03/9/2016 Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về quan

hệ tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, tôi không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình xét xử bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Anh H thống nhất với lời trình bày của Chị D về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Về hôn nhân hai người chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và có 02 con chung. Anh H chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Chị D. Tài sản chung anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn; Về nội dung: Sau khi phân tích yêu cầu khởi kiện, những quy định của pháp luật, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Bích D và anh Trần Văn H. Về con chung giao cháu Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 01/12/2005 và Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 03/9/2016 cho Chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra, đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Bích D và anh Trần Văn H chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nhưng Chị D cương quyết xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Văn H có nơi đăng ký thường trú tại Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[4] Xét đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Bích D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Lê Thị Bích D và anh Trần Văn H, tự nguyện chung sống với

nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn dù hai người có đủ điều kiện kết hôn. Nay phát sinh mâu thuẫn, Chị D yêu cầu ly hôn và anh H đồng ý. Do Chị D và anh H chung sống vơi nhau như vợ chồng vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Bích D và anh Trần Văn H.

[5] Về con chung: Chị D xác định có 02 con chung với anh H là cháu Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 01/12/2005 và Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 03/9/2016 khi ly hôn Chị D yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H chấp nhận yêu cầu này của Chị D, đồng thời cháu Trân và Mai hiện đang sống ổn định với Chị D và có nguyện vọng được ở cùng với Chị D nên cần giao cháu Trân và Mai cho Chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản, được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị D và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Bích D với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Ngọc Tr, sinh ngày 01/12/2005 và Trần Thị Ngọc M, sinh ngày 03/9/2016 cho chị Lê Thị Bích D tiếp tục trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản, được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bích D và anh Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010691 ngày 04/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Văn Quy